

KINH TẾ - CHÍNH TRỊ

PHÂN TÍCH TÌNH HÌNH KINH TẾ TRUNG QUỐC 2001 - 2004 VÀ DỰ BÁO KHẢ NĂNG PHÁT TRIỂN 2005 - 2010 NHỮNG GỢI Ý ĐỐI VỚI VIỆT NAM

LÊ VĂN SANG*

Để có được một dự báo tương đối sát với thực tế khách quan, phương pháp nghiên cứu của chúng tôi là xem xét tình hình tăng trưởng, đi sâu phân tích thực tiễn hơn 25 năm cải cách mở cửa của Trung Quốc, đặc biệt thực tiễn sau khi Trung Quốc gia nhập WTO, cùng các ý tưởng hiện đại hoá và quyết tâm chiến lược của giới lãnh đạo Trung Quốc, hệ thống hóa các dự báo khác nhau về khả năng phát triển kinh tế của Trung Quốc mà chúng tôi cho là tương đối sát hợp đã xuất hiện từ giữa những năm 90 của thế kỷ XX đến nay nhằm cung cấp thêm luận cứ cho các dự báo đó.

I. KINH TẾ TRUNG QUỐC - MỤC TIÊU PHÁT TRIỂN 2020, 2010 VÀ THỰC TIỄN PHÁT TRIỂN 2001 - 2004

1. Trung Quốc đến năm 2020

Báo cáo Đại hội lần thứ XVI Đảng Cộng sản Trung Quốc, đại hội đầu tiên trong thế kỷ XXI đã khẳng định, xét trên bình diện toàn cục, đối với Trung Quốc, 20 năm đầu của thế kỷ XXI là thời kỳ cơ may chiến lược quan trọng, Trung

Quốc phải nắm chắc lấy và có thể làm nên nhiều việc lớn.

Mục tiêu phát triển của Trung Quốc đến năm 2020 đã được giới nghiên cứu Trung Quốc cụ thể hóa như sau: *một là*, trong 20 năm (2001 - 2020) tăng tổng giá trị sản xuất trong nước lên gấp bốn lần, tới năm 2020, tính theo giá không thay đổi, GDP của Trung Quốc bằng 16 lần năm 1978, trở thành thực thể kinh tế hàng đầu thế giới; *hai là*, sau 20 năm sức mạnh tổng hợp của Trung Quốc từ chỗ bằng 1/3 của Mỹ tăng lên bằng 1/2, trở thành cường quốc trên thế giới có năng lực chủ đạo trên cơ sở sức mạnh tổng hợp hùng mạnh; *ba là*, đời sống của nhân dân được cải thiện rõ rệt, từ chỗ là nước có mức thu nhập trung bình thấp tiến lên đứng trong hàng ngũ những nước có mức thu nhập trung bình hoặc trên trung bình, số năm đi học và tuổi thọ tăng lên phổ biến, chỉ số phát triển của con người từ 0,72 hiện nay tăng lên 0,8 trở lên, xóa bỏ hiện tượng nghèo khổ

* PGS. TS. Trung tâm Kinh tế Châu Á - Thái Bình Dương.

tuyệt đối, xây dựng thành công xã hội khá giả, “mọi người đều được giáo dục”, “mọi người đều được chăm sóc y tế”, “mọi người cùng giàu có”; *bốn là*, nâng cao sức cạnh tranh quốc tế, đứng vào hàng ngũ 10 nước hàng đầu thế giới⁽¹⁾.

2. Trung Quốc đến năm 2010

Trong 20 năm đầu thế kỷ XXI này, thời kỳ 2005 - 2010, nói cách khác là đến năm 2010, mục tiêu phát triển của Trung Quốc được xác định là: Cơ bản thực hiện công nghiệp hóa, cơ bản hình thành thể chế kinh tế thị trường XHCN, hội nhập đầy đủ với nền kinh tế quốc tế, thu nhập bình quân tính theo đầu người đạt mức bình quân của các nước thu nhập trung bình thấp, đời sống nhân dân ở mức trung bình khá, sức mạnh tổng hợp của đất nước tăng lên vị trí thứ tư trên thế giới sau Mỹ, Nhật Bản, EU.

Sự tăng trưởng nhanh chóng của Trung Quốc trong thập niên cuối thế kỷ XX, đặc biệt ngay cả trong những năm nổ ra cuộc khủng hoảng tiền tệ ở Đông Á, đã củng cố lòng tin của các nhà nghiên cứu về tương lai tăng trưởng kinh tế của Trung Quốc. Phần lớn các dự đoán là theo xu hướng lạc quan, mặc dù các nghiên cứu định lượng của nhiều cá nhân và tổ chức không có kết quả đồng nhất. Ví dụ, năm 1997, Ngân hàng Thế giới dự đoán năm 2020 GDP của Trung Quốc sẽ gấp 3,33 lần năm 2001; năm 2001 Công ty Rand của Mỹ dự đoán gấp 2,65 lần; năm 2002 Tổ chức Năng lượng thế giới dự đoán gấp 2,76 lần; năm 2002 Trung tâm nghiên cứu phát triển (DRC) thuộc Quốc vụ viện Trung Quốc dự đoán gấp 4 lần. Hầu hết các nhà nghiên cứu Trung Quốc đều dự đoán sẽ đạt đúng mục tiêu, tức là gấp 4 lần. Cụ thể như sau:

Bảng 1. NHỮNG DỰ ĐOÁN KHÁC NHAU VỀ TỶ LỆ TĂNG TRƯỞNG KINH TẾ DÀI HẠN CỦA TRUNG QUỐC

	Tỷ lệ tăng trưởng GDP hàng năm		Bội số GDP 2020/2001
	2001-2010	2010-2020	
Ngân hàng thế giới (1997) a	6,9	5,5	3,33
RAND (2001) b	4,8	6,6	2,65
Tổ chức Năng lượng Thế giới (2002) c	5,7	4,7	2,76
DRC (2002) d	7-7,9	5,6-6,6	4
Hồ An Cường (2002) e	7,3-8,3	6,3-7,3	4

Nguồn: a. Ngân hàng Thế giới: *Trung Quốc năm 2020*, bản dịch. Nxb KHXH, Hà Nội, 2001.

b. Charler Wolf, Jr. Anil Bamezai, K.C. Yeh, and Benjamin Zycher, 2000, *Asian Economic Trends and Their Security Implication*, RAND, Arroyo Center.

c. International Energy Agency, 2002, *China Energy Outlook*, IEA.

d & e: Hồ An Cường, Trung Quốc: *Những chiến lược lớn*. Nxb Thông Tấn, Hà Nội, 2003

Bảng 2. CÁC DỰ ĐOÁN VỀ TĂNG TRƯỞNG GDP CỦA TRUNG QUỐC

	Mức tăng GDP (%)
<i>Ngân hàng thế giới</i>	
2001-2010	6,9
2011-2020	5,5
<i>Viện KHXH Trung Quốc</i>	
2000-2010	7,8
2010-2020	7,0
2020-2030	6,3
<i>Lý Kinh Văn</i>	
2001-2010	8,1
2011-2030	6,0
2030-2050	4,5
<i>Tổng Quốc Khánh</i>	
1998-2008	6,4

Nguồn: - Ngân hàng Thế giới: *Trung Quốc năm 2020*. Tlđđ.

- Viện Khoa học Xã hội Trung Quốc: *Cơ hội và thách thức: Nghiên cứu mục tiêu chiến lược phát triển kinh tế và xu hướng phát triển kinh tế của Trung Quốc khi bước vào thế kỷ XXI*. Nxb Khoa học Xã hội Trung Quốc, Bắc Kinh, 1995.
- Lý Kinh Văn: *Những xu hướng chung của nền kinh tế Trung Quốc trong thế kỷ XXI*. Nxb Nhân dân, Liêu Ninh, 1998.
- Tổng Quốc Khánh: *Dự đoán tăng trưởng kinh tế Trung Quốc thập kỷ sau. Thế giới quản lý* (Trung Quốc), 11-1999.

3. Thực tiễn kinh tế Trung Quốc 2001- 2004

Thực tiễn phát triển kinh tế Trung Quốc 2001 - 2004 cho thấy dự báo tốc độ tăng trưởng GDP giai đoạn 2000 - 2010 của Hồ An Cường (bảng 1) và Lý Kinh Văn (bảng 2) là sát thực tế hơn cả. Bởi lẽ kinh tế Trung Quốc từ năm 2001 đến năm 2004 đã phát triển rất nhanh, vượt mọi dự kiến do tác động của việc nước này gia nhập WTO.

Mặc dù còn một năm nữa mới kết thúc thời kỳ quá độ gia nhập WTO của

Trung Quốc, nhưng tình hình kinh tế từ năm 2001 đến năm 2004 đã cho thấy triển vọng phát triển tốt đẹp của cả thời kỳ này.

Thật vậy, nhờ tích cực cải cách kinh tế trong nước, thực hiện tốt các cam kết quốc tế, đồng thời chỉ đạo điều hành và thực hiện chiến lược hội nhập kinh tế toàn cầu tích cực nên tình hình kinh tế vĩ mô được cải thiện, tiềm lực kinh tế đất nước được tăng cường rõ rệt. Nền kinh tế quốc dân tiếp tục giữ được sự ổn định và phát triển với nhịp độ cao trong suốt cả giai đoạn này, thể hiện rõ nét nhất ở

tình hình kinh tế xã hội Trung Quốc năm 2004:

Tổng GDP của Trung Quốc trong năm 2004 đạt 13651,5 tỷ NDT (tương đương 1650,725 tỷ USD), tăng 9,5% (so với mức 7,3%/2001; 8,7%/2002; 9,1%/2003). Tổng giá trị gia tăng của các ngành thuộc nhóm ngành thứ I (gồm nông nghiệp và khai khoáng) là 2074,4 tỷ NDT (250,83 tỷ USD), tăng 6,3%. Tổng giá trị gia tăng của các ngành thuộc nhóm ngành thứ II (chế tạo, chế biến) là 7238,7 tỷ NDT (875,3 tỷ USD), tăng 11,1%. Tổng giá trị gia tăng của các ngành thuộc nhóm ngành thứ III (dịch vụ) đạt 4338,4 tỷ NDT (254,6 tỷ USD), tăng 8,3%.

Về nông nghiệp, cả sản lượng và năng suất ngũ cốc đều phá mức kỷ lục trong lịch sử. Tổng sản lượng ngũ cốc đạt 469,5 triệu tấn, tăng 38,8 triệu tấn, tương đương mức tăng 9% so với năm 2003.

Sản xuất công nghiệp tiếp tục tăng nhanh và hiệu quả của các doanh nghiệp được cải thiện. Năm 2004, tổng giá trị gia tăng của các ngành công nghiệp đạt 6281,5 tỷ NDT (759,55 tỷ USD), tăng 11,5%. Mức tăng giá trị gia tăng của các xí nghiệp công nghiệp được lựa chọn đạt 16,7%, hơi thấp hơn so với mức của năm trước. Giá trị gia tăng của các doanh nghiệp nhà nước và các doanh nghiệp do nhà nước kiểm soát tăng 14,2%. Mức tăng chung của toàn ngành công nghiệp nặng đạt 18,2%, của ngành công nghiệp nhẹ đạt 14,7%. Sản xuất than và điện tăng tương ứng là 15% và 14,9%. Sản lượng các sản phẩm như gang tăng 24,1%; phôi thép tăng 23,2%; thép cuộn tăng 23,5%; giá trị sản lượng các loại như phần mềm máy tính, điện thoại di

động, máy điều hòa nhiệt độ tăng từ 29,1% đến 42,6%. Năm 2004 Trung Quốc đã sản xuất và lắp ráp 5,2 triệu xe ô tô, tăng 14%. Tổng lợi nhuận của toàn bộ các doanh nghiệp công nghiệp trong cả nước sau khi trừ đi số thua lỗ của một bộ phận doanh nghiệp đạt 1134,2 tỷ NDT, tăng 38,1%.

Mức tăng đầu tư tài sản cố định giảm nhẹ. Đầu tư vào tài sản cố định trong cả năm 2004 đạt 7007,3 tỷ NDT, tăng 25,8%, thấp hơn 1,9% so với mức tăng của năm 2003. Xu hướng giảm nhẹ tương đối ổn định trong cả năm, với mức tăng 43% trong quý I; tăng 28,6% trong 6 tháng đầu năm và tăng 27,7% trong 3 quý đầu năm. Tổng đầu tư ở các khu vực đô thị đạt 5862 tỷ NDT, tăng 27,6%, mức tăng này ở các vùng nông thôn đạt 17,4%.

Cơ cấu đầu tư cũng được cải thiện. Đầu tư vào sản nghiệp I tăng 20,3% so với mức tăng 19,6% năm 2003. Đầu tư vào các sản nghiệp II và III tăng 38,3% và 21,6%, so với năm 2003, tương ứng giảm 8% và 0,5%. Đặc biệt mức tăng đầu tư ở một số ngành công nghiệp tăng trưởng nhanh đã chậm lại đáng kể.

Về giá cả, mức giá tiêu dùng trong năm 2004 so với năm trước tăng 3,9%, chủ yếu do ảnh hưởng của sự tăng giá trong năm 2003. Trong số này, mức tăng giá tiêu dùng ở các khu đô thị tăng 3,3%, giá tiêu dùng ở nông thôn tăng 4,8%. Thị trường tiêu dùng nói chung sôi động và khá ổn định. Năm 2004, tổng giá trị hàng hóa bán lẻ đạt 5395 tỷ NDT, tăng 13,3%, cao hơn mức năm 2003 là 1%. Trong số này, lượng hàng hóa bán lẻ ở các khu đô thị tăng 14,7%, mức bán lẻ ở cấp huyện tăng 10,7%.

Ngoại thương và các quan hệ kinh tế đối ngoại phát triển khá nhanh. Tổng giá trị xuất nhập khẩu của Trung Quốc trong năm 2004 đạt 1154,7 tỷ USD, tăng 35,7%. Trong đó tổng xuất khẩu đạt 593,4 tỷ USD, tăng 35,4%, tổng giá trị nhập khẩu đạt 561,4 tỷ USD, tăng 36%. Tổng thặng dư thương mại là 32 tỷ USD, tăng 6,5 tỷ USD so với mức năm 2003. Tổng mức FDI thực tế sử dụng trong cả năm đạt 60,6 tỷ USD, tăng 13,3%. Tính đến cuối năm 2004, tổng mức dự trữ ngoại hối của Trung Quốc đạt 609,9 tỷ USD, tăng 206,7 tỷ USD so với mức đầu năm.

Thu nhập của các hộ gia đình ở cả nông thôn và thành thị đều tăng mạnh. Trong năm qua, mức thu nhập bình quân đầu người ở các khu đô thị Trung Quốc đạt 9422 NDT (1139,3 tỷ USD), tăng 7,7%. Thu nhập ở nông thôn đạt 2936 NDT (355 USD), tăng 6,8% - đây là những mức tăng cao nhất kể từ năm 1997. Tính đến cuối năm, tiền gửi tiết kiệm của các hộ gia đình ở cả nông thôn và thành thị Trung Quốc đạt 11955,5 tỷ NDT (1445,64 tỷ USD), tăng 1592,9 tỷ NDT so với mức đầu năm.

Tình hình việc làm ở các khu đô thị được cải thiện đáng kể. Theo thống kê của Bộ Lao động và An ninh xã hội Trung Quốc, trong năm 2004 các khu đô thị cả nước đã có thêm 9,8 triệu việc làm mới, cao hơn mức dự kiến là 800.000 việc làm. Tỷ lệ thất nghiệp đã hạ xuống mức 4,2% so với mức 4,3% năm 2003. Nhìn chung các kết quả kinh tế cho thấy, các biện pháp điều chỉnh kinh tế vĩ mô do Chính phủ thực hiện đã được đẩy mạnh, được chấn chỉnh và phát huy tác dụng. Việc thực hiện tốt các biện pháp trên đã

giúp ngăn chặn sự bùng phát hay lây lan một số vấn đề của một số địa phương tránh được lạm phát, tránh được sự xáo động mạnh và đảm bảo sự phát triển ổn định của nền kinh tế⁽²⁾.

Những nhân tố nào tạo nên sự tăng trưởng kinh tế ngoạn mục thời kỳ 2001 - 2004? Có thể thấy đó là do tác động của việc Trung Quốc gia nhập WTO cùng với chiến lược tích cực chủ động hội nhập kinh tế toàn cầu, lấy ngoài phục vụ trong rất khôn khéo của họ. Vì theo các lý thuyết tăng trưởng hiện đại, nguồn tăng trưởng của một nền kinh tế bao gồm ba nhân tố chủ yếu là vốn, lao động và năng suất của toàn bộ các nhân tố (TFP). Việc Trung Quốc gia nhập WTO cùng với các chính sách cải cách mở cửa tích cực của đất nước này đã làm cho cả ba nhân tố chủ yếu trên đều tăng mạnh.

Về vốn, đầu tư của Trung Quốc chủ yếu dựa vào hai nguồn chính là tiết kiệm gia đình cao và dòng tư bản nước ngoài chảy vào cao. Đặc biệt sau khi gia nhập WTO, dòng vốn nước ngoài chảy vào càng mạnh, biến Trung Quốc thành nước đứng thứ hai thế giới, vượt cả Mỹ về thu hút dòng vốn đầu tư nước ngoài.

Trung Quốc có nguồn lao động đông đảo, mức lương thấp, tạo lợi thế trên trường quốc tế. Số giờ lao động trên một lao động tăng lên vì số người làm việc trong khu vực phi nhà nước có xu hướng tăng giờ lao động của mình so với người làm việc trong khu vực nhà nước. Đồng thời trong hơn hai thập niên qua, số người lao động trong khu vực phi nhà nước tăng lên rất nhanh. Riêng số lao động trong các doanh nghiệp tư nhân năm 1989 mới chưa đầy 1,5 triệu, năm 2000 đã tăng lên tới hơn 20 triệu⁽³⁾. Giai

đoạn 2001 - 2004 còn tăng nhanh hơn nữa do tác động của việc Trung Quốc gia nhập WTO.

Tăng trưởng năng suất toàn bộ các nhân tố TFP có ý nghĩa lớn nhất đối với tăng trưởng GDP của Trung Quốc thời gian qua, đặc biệt là giai đoạn 2001 - 2004. Để thấy rõ hơn nhân tố quan trọng này, sự tăng trưởng của TFP được xem xét trên ba khía cạnh: tái phân bổ nguồn lực, tăng chất lượng đầu vào và tiến bộ công nghệ.

Các nguồn lực đã được phân bổ có hiệu quả hơn do những thay đổi về mặt kết cấu trong việc sử dụng các nguồn lực từ các ngành năng suất thấp sang các ngành năng suất cao. Thay đổi đáng chú ý nhất là lao động trong ngành nông nghiệp chuyển thành lao động trong ngành công nghiệp và dịch vụ. Từ năm 1978 đến nay, số lao động trong nông nghiệp đã giảm từ 70% xuống còn 50% trong tổng số lao động, trong khi lao động các ngành công nghiệp và dịch vụ tăng lên một cách tương ứng. Điều này đã làm giá trị sản lượng tính theo đầu người lao động của Trung Quốc tăng lên rất nhanh. Theo một số nghiên cứu, việc phân bổ lại lao động này đóng góp khoảng 11% mức tăng trưởng GDP của Trung Quốc⁽⁴⁾.

Một nhân tố khác tác động tới việc phân bổ lại các nguồn lực là kinh tế qui mô do việc mở cửa nền kinh tế ra thị trường bên ngoài. Việc mở rộng thị trường đã làm tăng mức chuyên môn hóa trên thị trường Trung Quốc. Điều này có thể thấy được qua tỉ lệ xuất khẩu so với GDP đã tăng từ 4,6% năm 1987 lên tới 19,1% năm 2000 và 27,8% năm 2004. Nền kinh tế Trung Quốc đã thu

được lợi ích không chỉ từ lợi thế của phân công lao động quốc tế mà còn từ cạnh tranh quốc tế, tư bản và công nghệ nước ngoài, tạo cơ sở cho tăng trưởng kinh tế và cải cách trong nước.

Chiến lược tích cực chủ động hội nhập kinh tế toàn cầu của Trung Quốc hơn 20 năm qua, đặc biệt từ năm 2001 đến nay đã góp phần quan trọng vào việc tăng năng suất lao động do chất lượng tư bản và lao động ở Trung Quốc đều được nâng lên nhanh. Những công nghệ mới sau khi được chuyển vào Trung Quốc đã thúc đẩy đổi mới thiết bị và đòi hỏi phải có một lực lượng lao động có kỹ năng. Chất lượng vốn và lao động của Trung Quốc đều tăng nhanh trong hơn hai thập kỷ qua, đặc biệt sau khi gia nhập WTO 2001 - 2004. Theo đánh giá của Ngân hàng thế giới, riêng giáo dục đã đóng góp tới 29% mức tăng trưởng GDP của Trung Quốc trong giai đoạn 1987-1995 và có thể cao hơn trong giai đoạn 2001-2004.

Tiến bộ công nghệ cũng nâng cao mức tăng TFP của Trung Quốc. Theo số liệu thống kê, chi phí cho R & D của Trung Quốc đã tăng từ 4,6 lên 52,6 tỷ NDT trong 20 năm từ 1978-1998. Năm 1983, Trung Quốc chỉ đầu tư 50 triệu NDT để mua công nghệ mới, đến năm 1998 con số này là 43 tỷ NDT. Thời kỳ 2001-2004 tiến bộ khoa học công nghệ nâng cao mức tăng TFP của Trung Quốc càng lớn do việc gia nhập WTO. Biểu hiện cụ thể là ngành công nghiệp thông tin của Trung Quốc có những bước phát triển vượt bậc, trở thành ngành công nghiệp trụ cột của nền kinh tế. Hiện nay Trung Quốc đang dẫn đầu thế giới về số lượng thuê bao điện thoại cố định và di động với 295.488 triệu máy cố định và 305.283

triệu máy di động, số người sử dụng Internet xấp xỉ 70 triệu người.

Tóm lại, trong hơn hai thập niên qua, đặc biệt giai đoạn 2001-2004, Trung Quốc đã tạo ra mức tăng trưởng kinh tế bằng việc tăng vốn và tăng năng suất lao động thông qua việc tái phân bổ nguồn lực, hội nhập vào nền kinh tế thế giới và phát triển nguồn vốn nhân lực.

II. DỰ BÁO KINH TẾ TRUNG QUỐC GIAI ĐOẠN 2005-2010

Nếu căn cứ vào những nhân tố thúc đẩy kinh tế Trung Quốc phát triển trong hơn hai thập niên qua, đặc biệt là thời kỳ 2001-2004 như trên đã phân tích, thì có thể tiên đoán rằng, Trung Quốc sẽ đạt được mục tiêu phát triển kinh tế 2010, tạo cơ sở vững chắc cho việc tiến tới mục tiêu xã hội khá giả vào năm 2020. Tuy nhiên, xét về những yếu tố bất ổn tiềm ẩn, những mâu thuẫn kinh tế xã hội tích góp lại qua hơn hai thập niên phát triển liên tục tốc độ cao, thì không ít người lo ngại rằng, giai đoạn 2005-2010 sẽ là thời kỳ sóng gió. Đặc biệt là hai năm gần đây kinh tế phát triển quá nóng đang làm căng thẳng mọi vấn đề kinh tế xã hội vốn đã nổi cộm. Theo kết quả điều tra 98 vị chuyên gia chính phủ và phi chính phủ ở Trung Quốc gần đây về triển vọng kinh tế xã hội Trung Quốc từ nay đến 2010, đại đa số cho rằng thời kỳ 2005-2010 là thời kỳ tương đối mạo hiểm về phát triển kinh tế xã hội - thời kỳ sẽ phát sinh nhiều khủng hoảng, trong đó 66,23% số người được hỏi cho rằng sẽ có khủng hoảng nghiêm trọng, 33,72% số người cho rằng sẽ không nổ ra khủng hoảng⁽⁵⁾.

Ba lĩnh vực lớn có nhiều khả năng nổ ra khủng hoảng đó là khủng hoảng xã hội do những nhân tố như chênh lệch

giàu nghèo giữa thành thị và nông thôn, vấn đề thất nghiệp, vấn đề nông dân, vấn đề cuộc sống tối thiểu, vấn đề giáo dục không được giải quyết thỏa đáng; khủng hoảng kinh tế, đặc biệt là khủng hoảng tài chính; và khủng hoảng môi trường.

“Ngòi nổ” *khủng hoảng* có thể bắt nguồn từ tình trạng tham nhũng hiện đang rất nghiêm trọng. Theo giáo sư Đinh Nguyên Trúc, Đại học Bắc Kinh, người chủ trì công trình điều tra nghiên cứu trên cho rằng trước hoặc sau năm 2010, các vấn đề như thất nghiệp, khoảng cách chênh lệch giàu nghèo, mâu thuẫn về hình thái ý thức bắt đầu nổi lên và hội tụ với nhau, các mâu thuẫn này lại được kích thích bởi “ngòi nổ” tham nhũng, do vậy nguy cơ dẫn đến khủng hoảng là rất lớn⁽⁶⁾.

Thời gian bùng nổ khủng hoảng có thể sẽ xảy ra sau Thế vận hội 2008. Dự báo này dựa trên thực tế đã xảy ra ở Hàn Quốc sau năm 1988 khi nước này tổ chức Thế vận hội. Lý do của lập luận này chủ yếu là Thế vận hội 2008 mở ra cơ hội lớn cho trào lưu dân chủ phương Tây tràn vào đất nước hơn 1 tỉ dân này, nó sẽ kích thích các ngòi nổ vốn đã âm ỉ lâu ngày bùng phát.

Khả năng khủng hoảng bùng nổ dẫu sao vẫn là khả năng. Nó sẽ không xảy ra nếu như biết trước và có biện pháp ngăn chặn sớm. Về mặt này các học giả Trung Quốc đã đưa ra ba kiến nghị sau:

Thứ nhất, điều chỉnh chính sách vĩ mô, phòng ngừa rủi ro tài chính. Trước năm 2010, cân khổng chế tốc độ tăng trưởng quá nhanh của nền kinh tế. Ví dụ, mức tăng trưởng hàng năm không được vượt quá 8% - 8,5%; tiến hành điều chỉnh

và có sự trù tính đối với các biện pháp cải cách, tránh không để tình trạng hệ thống tài chính tương đối yếu kém hiện nay mang lại gánh nặng lớn cho xã hội.

Thứ hai, hoàn thiện pháp chế, bảo đảm tính công bằng trong cải cách, xây dựng hệ thống an toàn xã hội. Việc đẩy nhanh tiến độ cải cách chế độ phân phối thu nhập cần phải trở thành trọng điểm cải cách trước năm 2010, từng bước loại bỏ trở ngại mang tính cơ chế phân biệt giữa thành thị và nông thôn, loại bỏ chính sách mang tính kỳ thị đối với công nhân, nông dân trên các lĩnh vực tạo việc làm, giáo dục, hộ khẩu, bảo hiểm xã hội. Trọng tâm giải quyết vấn đề thất nghiệp trước năm 2010 là nhằm vào số người sinh sống tại khu vực miền Tây kém phát triển, các cơ sở công nghiệp cũ và khu vực thiếu thốn tài nguyên đang gặp rất nhiều khó khăn do mất việc làm trong thời gian dài.

Thứ ba, cải tiến mô thức tăng trưởng và mô thức tiêu dùng, tăng cường lợi dụng hiệu quả tài nguyên. Cần phải tiếp tục tìm tòi và nghiên cứu phương thức sống có thể duy trì và phát triển đặc sắc Trung Quốc, tránh lặp lại mô thức tiêu dùng lãng phí tài nguyên đã từng phổ biến ở các nước phát triển. Trong quá trình này, chính sách can dự tất yếu của chính phủ là vấn đề rất cần thiết.

Ngoài ra, các học giả Trung Quốc còn cảnh báo: chỉ có kế hoạch quản lý khủng hoảng là không đủ, cần phải xây dựng một "cơ chế kiểm soát khủng hoảng", trong đó có hệ thống khống chế và hệ thống cảnh báo, mệnh lệnh đối phó khủng hoảng đủ mạnh. Do vậy về mặt xây dựng tổ chức, cần phải tính toán đầy đủ xây dựng một "tổ chức" mang tính

quốc gia chịu trách nhiệm xử lý tình huống.

Nghiên cứu của chúng tôi cho rằng, do biết trước được những mâu thuẫn kinh tế xã hội và đang tích cực thực thi các biện pháp phòng ngừa nên kinh tế Trung Quốc giai đoạn 2005 - 2010 sẽ vượt qua được thử thách, tiếp tục phát triển ổn định với tốc độ tăng trưởng GDP bình quân 8%, tạo cơ sở cho Trung Quốc phấn đấu đạt mục tiêu 2020. Dự báo này của chúng tôi dựa trên cơ sở Trung Quốc phòng ngừa được khủng hoảng, tiếp tục phát huy được những nhân tố tích cực trong và ngoài nước sau đây.

1. Các nhân tố tích cực của thời đại mới đầu thế kỷ XXI được Trung Quốc khai thác hiệu quả

Bối cảnh quốc tế hoà bình và xu thế toàn cầu hoá đang tạo cơ sở cho chiến lược dân giàu nước mạnh lấy phát triển kinh tế làm trung tâm của Trung Quốc. Chỉ cần không nổ ra chiến tranh quy mô thế giới, chỉ cần không xảy ra đụng độ lớn giữa các quốc gia và khu vực xung quanh, thì Trung Quốc hoàn toàn có điều kiện tập trung sức mạnh để xây dựng kinh tế.

- Xu hướng đa cực hoá cũng có lợi cho Trung Quốc - một nước lớn, cũng là một nước đang phát triển, nước đi sau, có thể lợi dụng quan hệ giữa các cực để giành nhiều lợi ích cho đất nước và dân tộc.

- Sự phát triển của khoa học công nghệ, đặc biệt là sự xuất hiện của cuộc cách mạng công nghệ, các ngành nghề trên quy mô lớn sẽ tạo cơ sở tốt cho Trung Quốc phát huy tính đa dạng trong cơ cấu, lợi dụng ưu thế của nước đi sau trong việc thực hiện chiến lược đuổi và vượt, như người Trung Quốc nói: "Trung

Quốc hoàn toàn có thể cưỡi lên ngọn sóng tiến bộ khoa học kỹ thuật của thế giới, giương lên cánh buồm chấn hưng Trung Hoa”.

- Trong điều kiện toàn cầu hóa là xu thế không thể đảo ngược, sự liên kết kinh tế khu vực phát triển cũng sẽ tạo thuận lợi cho Trung Quốc mở rộng thị phần trên thị trường thế giới trong thế kỷ XXI.

Từ đầu những năm 90 của thế kỷ XX đến nay, tốc độ tăng trưởng của mậu dịch và đầu tư trên thế giới nâng cao rõ rệt. Nhiều nghiên cứu cho rằng, đó là kết quả của làn sóng toàn cầu hoá, của việc tổ chức lại thị trường thế giới và sự phát triển liên kết kinh tế khu vực, và đó cũng là thời cơ có lợi để các nước đi sau phát triển kinh tế đối ngoại. Trong quá trình đó, vai trò của khu vực Đông Á ngày càng tăng, không những mậu dịch và đầu tư trong nội bộ tăng nhanh, mà còn thu hút từ bên ngoài vào khu vực một lượng hàng hóa và các yếu tố sản xuất, đó là một thời cơ rất tốt đẹp thúc đẩy kinh tế Trung Quốc tăng trưởng. Theo thông tin gần đây nhất, nhiều nhà kinh tế cho rằng Trung Quốc đang trở thành động lực tăng trưởng đối với các nền kinh tế châu Á⁽⁷⁾. Điều này cho thấy sự trỗi dậy của châu Á thúc đẩy sự trỗi dậy của Trung Quốc, mà sự trỗi dậy của Trung Quốc lại kéo theo sự trỗi dậy của châu Á; mỗi quan hệ đó hình thành là kết quả của tác dụng tổng hợp các nhân tố địa lý, kinh tế, văn hóa... Nó có tính tất yếu lâu dài.

- Sự hình thành vành đai kinh tế Trung Hoa và sự lớn mạnh của nền kinh tế người Hoa hải ngoại sẽ có ảnh hưởng toàn diện đối với sự phát triển kinh tế và

tiến vào thị trường quốc tế của Trung Quốc. Sau khi Hồng Kông và Ma Cao trở về với Trung Quốc, quan hệ kinh tế giữa Đài Loan và đại lục ngày càng phát triển mạnh. Vành đai kinh tế Trung Hoa Trung Quốc, Hồng Kông, Ma Cao và Đài Loan mà trung tâm là đại lục đang hình thành; cùng với sự lớn mạnh không ngừng của đại lục và sự phát triển toàn diện của cải cách mở cửa, mối liên hệ tự nhiên và chặt chẽ giữa kinh tế Trung Quốc với nền kinh tế người Hoa ở khu vực Đông Á sẽ tăng lên, cộng thêm với nền kinh tế người Hoa rải rộng khắp thế giới, có thể kết thành một hệ thống lớn mạnh về tài nguyên, tiền vốn, kỹ thuật và thị trường, trợ giúp cho sự phát triển kinh tế của Trung Quốc. Sự ủng hộ của người Hoa ở nước ngoài là điều kiện thuận lợi, độc đáo đối với sự phát triển kinh tế của Trung Quốc mà các nước lớn khác không có được, đó cũng là con đường quan trọng để Trung Quốc mở rộng ảnh hưởng trên thị trường quốc tế.

- Sự thay đổi kết cấu tăng trưởng kinh tế trên thế giới có lợi cho việc Trung Quốc đuổi kịp và vượt trình độ tiên tiến quốc tế. Điều đó chủ yếu biểu hiện ở hai mặt: *một là*, trung tâm tăng trưởng kinh tế thế giới sẽ tiếp tục chuyển về khu vực châu Á - Thái Bình Dương; xu thế thay đổi đó là lâu dài, theo quy luật phát triển thay thế nhau của các nền văn minh khác nhau của loài người. Trung Quốc đang ở vào vị trí trung tâm kinh tế vùng châu Á - Thái Bình Dương, đồng thời lại là nơi bắt nguồn của nền văn minh phương Đông, do đó xu thế thay đổi này có thể tạo cơ hội lịch sử cho Trung Quốc đẩy nhanh sự phát triển. *Hai là*, tốc độ tăng trưởng kinh tế trong tương lai của các nước công nghiệp

phương Tây sẽ không cao, dự đoán mức tăng trưởng bình quân trong 20 năm tới sẽ chỉ bằng non một nửa của Trung Quốc. Xu thế phát triển kinh tế phương Tây tăng trưởng thấp kéo dài và kinh tế Trung Quốc tăng trưởng cao kéo dài, có lợi cho việc Trung Quốc có thể tận dụng đầy đủ tiềm lực bên trong và điều kiện bên ngoài, rút ngắn dần khoảng cách về kinh tế kỹ thuật với trình độ tiên tiến quốc tế, thực hiện chính sách đuổi và vượt tương đối nhanh.

2. Các điều kiện thuận lợi trong nước tiếp tục được phát huy

- Thành công rực rỡ của công cuộc cải cách mở cửa nền kinh tế Trung Quốc hơn 1/4 thế kỷ qua cho thấy Trung Quốc đã tạo được những tiền đề chính trị và điều kiện về chế độ để giữ cho kinh tế phát triển nhanh, lâu dài bền vững và xã hội tiến bộ toàn diện.

- Việc Đặng Tiểu Bình đưa ra quan điểm "phát triển là điều khẳng định" và tiêu chuẩn của "ba điều có lợi" cùng các lý luận dựa trên các cơ sở đó như lý luận về thời cơ, lý luận về phát triển, về các bước đi, về cải cách, mở cửa, về ổn định... được sự hưởng ứng nhiệt thành của nhân dân Trung Quốc, và được Đại hội lần thứ XIV Đảng Cộng sản Trung Quốc đưa vào nghị quyết, coi như lý luận chỉ đạo công cuộc cải cách mở cửa của CHND Trung Hoa, càng khẳng định tiền đề chính trị vững chắc của công cuộc cải cách mở cửa của Trung Quốc. Thuyết "Ba đại diện" gần đây là sự tiếp nối những ý tưởng cải cách mở cửa sâu rộng hơn nữa nhằm khai thác tối ưu mọi nguồn lực của đất nước để chấn hưng dân tộc Trung Hoa đã được Đại hội XVI khẳng định là phương châm chiến lược

hành động của toàn Đảng toàn dân hiện nay.

- Với tiền đề chính trị trên, sự hoàn thiện của thể chế kinh tế thị trường XHCN sẽ đảm bảo hiệu quả hơn cho việc phân bố các nguồn lực, nâng cao chất lượng hoạt động kinh tế.

- Kinh tế Trung Quốc nửa đầu thế kỷ XXI vẫn ở trong giai đoạn tăng trưởng nhanh, trong đó 20 năm đầu tốc độ tăng trưởng bình quân tương đối cao. Dự báo này là có căn cứ: *một là*, Trung Quốc đã tích lũy được những kinh nghiệm xây dựng phong phú và được đảm bảo bằng thể chế không ngừng được hoàn thiện và xã hội ổn định; *hai là*, có cơ sở vật chất kỹ thuật được tích lũy tương đối hùng hậu, và được đảm bảo bằng tỷ lệ tích lũy tương đối cao; *ba là*, tính chất độc đáo của giai đoạn phát triển, đó là thời kỳ chuyển đổi cơ cấu công nghiệp, cơ cấu kinh tế vùng đang không cân đối và tiềm lực thị trường ngày càng được mở ra; *bốn là*, Trung Quốc là một nước đang phát triển, được hưởng lợi thế của nước đi sau.

- Việc điều chỉnh cơ cấu ngành nghề ở Trung Quốc vẫn còn nhiều tiềm năng. Khu vực II dẫn đầu phát triển là cơ sở để kinh tế tăng trưởng nhanh chóng. Dù là xét về trình độ hiện tại của tiến bộ công nghệ hay của cơ cấu ngành nghề, thì sự phát triển của khu vực II vẫn còn một đoạn đường dài để phát triển.

- Số dân tăng và mức tiêu dùng tính theo đầu người nâng cao sẽ mở rộng dung lượng thị trường một cách mạnh mẽ, đặc biệt là nhu cầu tiêu dùng tăng lên và đa dạng hóa sẽ cải thiện cơ cấu thị trường, tạo sức đẩy to lớn đối với sản xuất, kích thích tăng trưởng kinh tế

trong nước, làm tăng sức hấp dẫn của thị trường Trung Quốc đối với thế giới.

- Nếu nghiên cứu vấn đề dưới góc độ xem xét các nhân tố phát triển thì cũng sẽ rút ra được các kết luận tương tự vì:

+ Mức tích lũy tương đối cao sẽ duy trì trong một thời gian khá dài, theo các nhà nghiên cứu Trung Quốc, sẽ không dưới 30% trong 20 năm tới, sau đó mới giảm nhưng cũng không thể dưới 24%. Căn cứ của dự báo này là truyền thống văn hóa tiết kiệm của dân tộc Trung Hoa, là sự tiêu dùng theo kiểu “sống võ sống” của một nước lớn, có tương đối nhiều cơ hội đầu tư, tích lũy bên trong của bản thân nền kinh tế Trung Quốc, về cơ bản có thể thoả mãn đòi hỏi của sự phát triển tương đối nhanh của nền kinh tế, nếu cộng thêm nguồn vốn tăng lên nhờ đầu tư từ bên ngoài, thì trong 20 năm tới Trung Quốc vẫn đứng trong hàng ngũ các nước có mức tích lũy cao trên thế giới.

+ Kinh tế tăng trưởng bền vững chủ yếu nhờ vào tăng năng suất của toàn bộ các nhân tố sản xuất (TFP).

Theo các nhà khoa học Trung Quốc, trong thời gian tới, TFP của Trung Quốc sẽ tăng khá, vì:

Trước hết, đẩy mạnh cải cách kinh tế để cải thiện hiệu quả phân bổ và sử dụng các nguồn lực để nâng cao TFP.

Hai là, đẩy mạnh tiến bộ kỹ thuật để nâng cao TFP. Tích cực khuyến khích và mua bằng sáng chế kỹ thuật, như nhà nước có thể trực tiếp mua bản quyền phát minh của công dân và của các tổ chức để khuyến khích họ tiếp tục phát minh kỹ thuật. Mấu chốt thúc đẩy kinh tế tăng trưởng là thúc đẩy ngành kỹ thuật mới phát triển một cách nhanh

chóng. Điều đó chẳng những có lợi cho việc điều chỉnh cơ cấu ngành, mà còn nảy sinh tác dụng lan tỏa sang các lĩnh vực khác.

Ba là, mở cửa kinh tế mạnh mẽ hơn để nâng cao TFP. Thực hiện tự do hóa thương mại và tự do hóa đầu tư, đẩy mạnh nhập khẩu hơn nữa, nhập khẩu hàng loạt sản phẩm là tài nguyên khan hiếm ở trong nước như dầu mỏ, hơi đốt, quặng sắt, gỗ, bột giấy, nguyên liệu hóa chất và nông sản sử dụng nhiều ruộng đất, nhập khẩu hàng loạt sản phẩm tư bản và sản phẩm kỹ thuật, triệt để sử dụng tài nguyên, vốn và kỹ thuật toàn cầu. Tích cực khuyến khích xuất khẩu, triệt để sử dụng nguồn lao động của Trung Quốc, xuất khẩu các thành phẩm sử dụng nguồn lao động. Tích cực thúc đẩy phát triển thương mại dịch vụ.

III. MỘT SỐ GỢI Ý CHO VIỆT NAM TỪ SỰ PHÁT TRIỂN KINH TẾ TRUNG QUỐC

Trung Quốc, nước lớn liên kê, “núi liền núi, sông liền sông”, nên mọi sự biến động của đất nước này đều sẽ ảnh hưởng không nhỏ đến nước ta. Những gợi ý mang tính kiến nghị của chúng tôi xoay quanh vấn đề: Việt Nam học tập được gì từ sự phát triển nhanh của Trung Quốc.

Việt Nam và Trung Quốc là hai nước láng giềng, có nhiều điểm tương đồng. *Một là* cả hai đều phát triển theo định hướng XHCN. *Hai là* cả hai đều chuyển từ nền kinh tế kế hoạch sang nền kinh tế thị trường. *Ba là* cả hai đều đang trong quá trình công nghiệp hóa đất nước. *Bốn là* cả hai đều tích cực đổi mới, tích cực chủ động hội nhập quốc tế.

Những điểm khác biệt đều thuộc về qui mô, trình độ. Chẳng hạn qui mô nền kinh tế Trung Quốc lớn gấp nhiều lần qui mô nền kinh tế Việt Nam, trình độ thị trường hóa, công nghiệp hóa, hội nhập kinh tế toàn cầu của Trung Quốc đều nhỉnh hơn Việt Nam. Nhưng nhìn chung, ngoài qui mô nền kinh tế ra, mức độ chênh lệch về trình độ các mặt trên không quá xa nhau, cả hai đều là các nước đang phát triển. Do vậy những thành công trong cải cách, mở cửa của Trung Quốc cần được xem như những gợi ý tốt cho Việt Nam. Xét trên một ý nghĩa nào đó, họ là người khai phá, ta là người rút kinh nghiệm, điều gì có lợi ta làm, điều gì có hại ta tránh.

Nhìn nhận một cách khách quan, nền kinh tế qui mô của Trung Quốc có thể mạnh cho sự phát triển, song cũng không ít điều bất lợi. Dân số đông nhưng mức độ chênh lệch về thu nhập rất lớn, đất nước rộng nhưng chênh lệch giàu nghèo giữa các vùng rất sâu. Khi bắt đầu cải cách mở cửa, mức sống của người nông dân miền Tây Trung Quốc không hơn gì nông dân Việt Nam, nếu như không muốn nói rằng nghèo khổ hơn. Ruộng đất, tài nguyên tự nhiên tính theo đầu người đều thấp hơn Việt Nam, ấy thế mà chỉ qua hơn 20 năm cải cách mở cửa, Trung Quốc đã thay đổi bộ mặt đất nước đến mức làm thế giới kinh ngạc. Và kinh ngạc hơn là từ nay đến năm 2020 Trung Quốc vẫn có thể phát triển với tốc độ cao liên tục nhằm đạt mục tiêu tăng gấp 4 lần GDP và xây dựng được xã hội khá giả toàn diện vào năm đó. Đầu tàu thúc đẩy nền kinh tế Trung Quốc thời gian qua là vùng duyên hải phía Đông với các đặc khu kinh tế,

thành phố mở cửa. Xét về phương diện này, lợi thế Việt Nam đâu có kém, với 2500 km bờ biển có nhiều cảng nước sâu, là cầu nối giữa Đông Bắc Á với Đông Nam Á, đầu tàu kinh tế vùng duyên hải của Việt Nam chỉ phải kéo những toa tàu phía Tây không quá nặng, tốc độ của con tàu chắc phải nhanh hơn Trung Quốc mới đúng. Tất nhiên có nhiều yếu tố làm hạn chế thuận lợi trên, chẳng hạn Việt Nam chịu ảnh hưởng nặng nề của chiến tranh kéo dài, trình độ phát triển kinh tế kém hơn Trung Quốc v.v... Tuy vậy, chúng ta cũng cần thực sự cầu thị để thấy rằng Trung Quốc tiến nhanh hơn ta trước hết là do các nguyên nhân liên quan đến đổi mới nhận thức và sáng tạo không ngừng lý luận phát triển.

Một là, nhận thức đúng đặc trưng của thời đại, nghiên cứu sâu tình hình thế giới, phán đoán đúng các xu hướng phát triển mới của thế giới nói chung, kinh tế thế giới nói riêng; nhận thức và phát hiện được những khả năng một quốc gia đang phát triển như Trung Quốc có thể thu hút ngoại lực để làm tăng nhanh nội lực, tiến nhanh, đuổi kịp các nước phát triển. Tư tưởng “tiến cùng thời đại” bắt nguồn từ đây.

Hai là, chuyển từ “lấy chính trị làm thống soái” sang lấy “phát triển kinh tế làm nhiệm vụ trung tâm”. Lời của nhà lãnh đạo Đặng Tiểu Bình: Không tranh luận “họ xã hay họ tư”, cái gì có lợi cho sự phát triển sức sản xuất XHCN, có lợi cho việc nâng cao đời sống nhân dân, có lợi cho sự phát triển sức mạnh tổng hợp quốc gia có thể xem như một hiệu lệnh cho hơn một tỷ người Trung Quốc vươn lên làm giàu.

Những điểm khác biệt đều thuộc về qui mô, trình độ. Chẳng hạn qui mô nền kinh tế Trung Quốc lớn gấp nhiều lần qui mô nền kinh tế Việt Nam, trình độ thị trường hóa, công nghiệp hóa, hội nhập kinh tế toàn cầu của Trung Quốc đều nhỉnh hơn Việt Nam. Nhưng nhìn chung, ngoài qui mô nền kinh tế ra, mức độ chênh lệch về trình độ các mặt trên không quá xa nhau, cả hai đều là các nước đang phát triển. Do vậy những thành công trong cải cách, mở cửa của Trung Quốc cần được xem như những gợi ý tốt cho Việt Nam. Xét trên một ý nghĩa nào đó, họ là người khai phá, ta là người rút kinh nghiệm, điều gì có lợi ta làm, điều gì có hại ta tránh.

Nhìn nhận một cách khách quan, nền kinh tế qui mô của Trung Quốc có thể mạnh cho sự phát triển, song cũng không ít điều bất lợi. Dân số đông nhưng mức độ chênh lệch về thu nhập rất lớn, đất nước rộng nhưng chênh lệch giàu nghèo giữa các vùng rất sâu. Khi bắt đầu cải cách mở cửa, mức sống của người nông dân miền Tây Trung Quốc không hơn gì nông dân Việt Nam, nếu như không muốn nói rằng nghèo khổ hơn. Ruộng đất, tài nguyên tự nhiên tính theo đầu người đều thấp hơn Việt Nam, ấy thế mà chỉ qua hơn 20 năm cải cách mở cửa, Trung Quốc đã thay đổi bộ mặt đất nước đến mức làm thế giới kinh ngạc. Và kinh ngạc hơn là từ nay đến năm 2020 Trung Quốc vẫn có thể phát triển với tốc độ cao liên tục nhằm đạt mục tiêu tăng gấp 4 lần GDP và xây dựng được xã hội khá giả toàn diện vào năm đó. Đầu tàu thúc đẩy nền kinh tế Trung Quốc thời gian qua là vùng duyên hải phía Đông với các đặc khu kinh tế,

thành phố mở cửa. Xét về phương diện này, lợi thế Việt Nam đâu có kém, với 2500 km bờ biển có nhiều cảng nước sâu, là cầu nối giữa Đông Bắc Á với Đông Nam Á, đầu tàu kinh tế vùng duyên hải của Việt Nam chỉ phải kéo những toa tàu phía Tây không quá nặng, tốc độ của con tàu chắc phải nhanh hơn Trung Quốc mới đúng. Tất nhiên có nhiều yếu tố làm hạn chế thuận lợi trên, chẳng hạn Việt Nam chịu ảnh hưởng nặng nề của chiến tranh kéo dài, trình độ phát triển kinh tế kém hơn Trung Quốc v.v... Tuy vậy, chúng ta cũng cần thực sự cầu thị để thấy rằng Trung Quốc tiến nhanh hơn ta trước hết là do các nguyên nhân liên quan đến đổi mới nhận thức và sáng tạo không ngừng lý luận phát triển.

Một là, nhận thức đúng đặc trưng của thời đại, nghiên cứu sâu tình hình thế giới, phán đoán đúng các xu hướng phát triển mới của thế giới nói chung, kinh tế thế giới nói riêng; nhận thức và phát hiện được những khả năng một quốc gia đang phát triển như Trung Quốc có thể thu hút ngoại lực để làm tăng nhanh nội lực, tiến nhanh, đuổi kịp các nước phát triển. Tư tưởng “tiến cùng thời đại” bắt nguồn từ đây.

Hai là, chuyển từ “lấy chính trị làm thống soái” sang lấy “phát triển kinh tế làm nhiệm vụ trung tâm”. Lời của nhà lãnh đạo Đặng Tiểu Bình: Không tranh luận “họ xã hay họ tư”, cái gì có lợi cho sự phát triển sức sản xuất XHCN, có lợi cho việc nâng cao đời sống nhân dân, có lợi cho sự phát triển sức mạnh tổng hợp quốc gia có thể xem như một hiệu lệnh cho hơn một tỷ người Trung Quốc vươn lên làm giàu.

Ba là, chuyển từ tư duy đấu tranh giai cấp sang tư duy phát triển, lấy lợi ích quốc gia dân tộc làm động lực phát triển. Về mặt lý luận họ đã chuyển từ lý luận về thời kỳ quá độ sang lý luận về giai đoạn đầu của CNXH kéo dài hàng trăm năm ở Trung Quốc, mở ra khả năng mới cho tư duy phát triển.

Bốn là, chuyển từ kinh tế kế hoạch sang kinh tế thị trường XHCN, không ngừng phát triển lý luận về kinh tế thị trường XHCN. Hội nghị Trung ương 3 khóa XVI Đảng Cộng sản Trung Quốc vừa qua chuyên bàn về hoàn thiện thị trường XHCN Trung Quốc, đã giải quyết được mắc mớ lâu nay về nhiều vấn đề, mà quan trọng nhất là vấn đề chế độ sở hữu. Họ đã bước đầu tìm ra sự dung hợp đặc sắc giữa chế độ công hữu với chế độ phi công hữu vừa phù hợp với sự phát triển kinh tế thị trường vừa phù hợp với CNXH trong giai đoạn đầu.

Chúng tôi cho rằng, Trung Quốc đang tìm tòi sáng tạo con đường xây dựng CNXH hiện thực từ một nước lạc hậu. Họ rất thực tế, không quá khích cực đoan. Chí ít thì họ đã chứng minh được đi con đường XHCN tốt hơn con đường TBCN như thế nào bằng sự tăng trưởng cao liên tục 26 năm qua, vượt kỷ lục này trong thế giới TBCN. Nếu Trung Quốc thực hiện được đúng kế hoạch tăng gấp 4 lần GDP và xây dựng được xã hội khá giả vào năm 2020 thì đây là một minh chứng tuyệt vời về tính ưu việt của chủ nghĩa xã hội: CNXH phải hơn hẳn CNTB về năng suất lao động trong từng giai đoạn phát triển của nó. Đây là cơ sở đảm bảo quan trọng nhất cho sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Trung Quốc.

Năm là, chuyển từ xây dựng nền kinh tế độc lập tự chủ theo tinh thần tự cấp tự túc, tự lực cánh sinh sang xây dựng nền kinh tế mở cửa hội nhập quốc tế toàn diện.

Sáu là, chuyển từ kỳ thị đối với tự do thương mại sang thừa nhận những lợi ích to lớn của tự do hóa thương mại, do đó quyết tâm gia nhập WTO, tích cực tham gia APEC, chủ động xây dựng khu vực mậu dịch tự do Đông Bắc Á, Trung Quốc - ASEAN, trở thành đầu tàu thúc đẩy liên kết kinh tế Đông Á.

Bảy là, từ thực tiễn xây dựng đất nước, Trung Quốc đã không ngừng sáng tạo lý luận phát triển phù hợp với thực tế trong nước và điều kiện quốc tế mới. Đặc điểm nổi bật của sự phát triển về lý luận phát triển của Trung Quốc là tính liên tục nhờ có sự kế thừa có chọn lọc các tư tưởng, lý thuyết có trước, phát huy sáng tạo cái mới của lý thuyết sau. Những lý luận phát triển được thừa nhận, được đưa vào Nghị quyết Đại hội XVI cũng như Hiến pháp sửa đổi của Trung Quốc là: chủ nghĩa Mác Lênin, tư tưởng Mao Trạch Đông, lý luận Đặng Tiểu Bình và tư tưởng "Ba đại diện". Tư tưởng quan trọng "Ba đại diện" được khẳng định trong Nghị quyết Đại hội XVI Đảng Cộng sản Trung Quốc, được đưa vào Hiến pháp CHND Trung Hoa cho thấy ý nghĩa to lớn của lý thuyết này. Chúng ta cần nghiên cứu kỹ và theo dõi chặt chẽ kết quả vận dụng lý thuyết này trong thực tiễn phát triển Trung Quốc từ nay về sau.

Chuyển biến về nhận thức, sáng tạo về lý thuyết có vai trò rất quan trọng song biến nhận thức lý thuyết thành sức mạnh vật chất và tinh thần cũng quan

trọng không kém. Điều có thể nhận thấy khi xem xét các nền kinh tế chuyển đổi trong đó Trung Quốc rất thành công, nước Nga lại thất bại do các liệu pháp sốc. Những bài học từ sự thành công của Trung Quốc có giá trị gợi ý đối với chúng ta có thể khái quát lại như sau:

Một là, kiên trì sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản và đi theo CNXH. Theo chúng tôi, trong điều kiện hơn một tỷ dân, trình độ phát triển thấp, với niềm tin tuyệt đối vào Đảng Cộng sản và CNXH để làm cách mạng, xây dựng CNXH như Trung Quốc, không thể thay đổi đột ngột niềm tin của họ. Giữ vững sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản, khẳng định mục tiêu xây dựng CNXH là điều kiện tiên quyết cho sự ổn định một xã hội khổng lồ về dân số với trình độ dân trí chưa cao này.

Hai là, cải cách kinh tế từ dễ đến khó, từ nông đến sâu, vừa làm vừa tổng kết kiểu “dò đá qua sông”, tổng kết thành lý luận, lấy lý luận chỉ đạo thực tiễn.

Ba là, lãnh tụ có uy tín, được dân tin, từ Đặng Tiểu Bình đến Giang Trạch Dân, nay là Hồ Cẩm Đào đều đạt tiêu chuẩn lãnh tụ sáng giá của Trung Quốc được thế giới nói chung, và hơn một tỷ dân Trung Quốc nói riêng tin tưởng. Ngoài năng lực cá nhân, chúng ta cần chú ý nghiên cứu cơ chế, biện pháp xây dựng lãnh tụ của nước này. Trước mắt, theo chúng tôi, chúng ta phải từ bỏ cách tổ chức nhìn người nghĩ ra việc, chuyển sang cách tổ chức vì công việc tìm người. Chế độ Tổng Bí thư Đảng đồng thời là Chủ tịch nước là phù hợp nhất cho sự lãnh đạo đất nước, thuận lợi nhất cho sự

phát triển quan hệ quốc tế hiện nay. Nên từ yêu cầu này, đào tạo người để họ có đủ năng lực, đủ uy tín đảm nhận nhiệm vụ đó. Khi một người nào đó được tuyển chọn, cần có một loạt biện pháp xây dựng tạo hình ảnh lãnh tụ. Tất nhiên đây là việc khó, song phải kiên quyết làm bằng được.

Bốn là, chính quyền mạnh, quyết sách đúng theo tinh thần “tiến cùng thời đại”. Dân chúng về cơ bản tôn trọng chính quyền, tôn trọng luật pháp.



CHÚ THÍCH:

(1) Theo Hồ An Cường (chủ biên): *Những chiến lược lớn*, bản dịch. Nxb Thông tấn Hà Nội, 2003, tr. 26-27.

(2) Theo tài liệu của Tổng cục thống kê Trung Quốc, 31-1-2005.

(3) Đối Kiện Trung: *Tìm hiểu về giới chủ doanh nghiệp tư nhân Trung Quốc*. T/c Nghiên cứu Trung Quốc, Hà Nội, số 6-2002.

(4) Dẫn từ Kim Sa - Việt Hà: *Triển vọng tăng trưởng kinh tế của Trung Quốc*. T/c Nghiên cứu Trung Quốc, Hà Nội, số 4-2003.

(5) Đinh Nguyên Trúc: *Năm 2010: 3 khả năng đối với Trung Quốc- Điều tra 98 vị chuyên gia chính phủ và phi chính phủ Trung Quốc*. T/c Chiến lược và quản lý (TQ), số 4-2004.

(6) *Trung Quốc bước vào thời kỳ phát sinh nhiều khủng hoảng*. Đăng trên tờ Tin báo. Dẫn từ Văn Kiển, p/v TTXVN tại Hồng Kông, *Kinh tế quốc tế*, số 05-2005.

(7) Xem Nguyễn Thế Nghiệp: *Trung Quốc- Động lực phát triển châu Á. Thời báo kinh tế Việt Nam*, số 101, 23-8-2002, tr. 14.